

Số: 30/2026/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu

Thư ký phiên họp: Ông Lê Trung Hiếu- Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 14/2026/LĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 22/2026/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Liêu Thị T, sinh năm 1999; nơi thường trú: ấp T, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: số A khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Liêu Thị D, sinh năm 2002; nơi thường trú: Ấp S, xã T, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: số A khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P); địa chỉ: Thửa đất số 45, tờ bản đồ số đc 14, Đường số C, Khu Công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Quách Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 27/01/2026). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Liêu Thị T trình bày: Bà Liêu Thị T đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà Liêu Thị T bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do bà Liêu Thị T cho bà Liêu Thị Diễm M để đi làm tại Công ty P, quá trình làm việc bà Liêu Thị T được Công ty P tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7416341243. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Liêu Thị Diễm M chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty P là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Liêu Thị D có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà Liêu Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Liêu Thị D và Công ty P là vô hiệu hoàn toàn. Bà Liêu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liêu thị D trình bày: Khoảng tháng 8 năm 2017, bà D không có chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà T để xin vào làm việc tại Công ty P và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7416341243. Nay bà Liêu Thị Diễm thống N1 toàn bộ yêu cầu của bà Liêu Thị T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Liêu Thị D với Công ty P là vô hiệu hoàn toàn. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty P thì bà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì, bà cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị T, bà Liêu Thị D không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P trình bày: Công ty P đồng ý với yêu cầu của bà Liêu Thị T tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Liêu Thị T do bà Liêu Thị D ký kết với người sử dụng lao động là Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 08 năm 2017 đến tháng 04 năm 2018 là vô hiệu toàn bộ. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra công ty không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với vụ việc trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty P cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Liêu Thị T, sinh năm 1999, số CMND 366197042; CCCD 094199003438, với mã số BHXH 7416341243 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 tại Công ty P đã được bảo lưu in tờ rơi, chưa nhận trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng Bảo hiểm thất nghiệp.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Liêu Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Liêu Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018, người lao động tên Liêu Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty P và được Công ty P tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7416341243. Tuy nhiên, bà Liêu Thị T và bà Liêu Thị T đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty P và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 là bà Liêu Thị D (do bà T cho bà D mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T, bà D phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Bởi lẽ, trong khoảng tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018, bà T đang làm việc tại công ty khác. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty P trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 là bà Liêu Thị D, không phải là bà Liêu Thị T.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà Liêu Thị Diễm M hồ sơ cá nhân của bà Liêu Thị T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo

hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7416341243 từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 tại Công ty P là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Liêu Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Liêu Thị T với Công ty P theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416341243 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty P trong giai đoạn từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 là bà Liêu Thị D, không phải là bà Liêu Thị T. Bà T và bà D có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7416341243.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Liêu Thị Thu C 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Liêu Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Liêu Thị T với Công ty P (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416341243) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416341243 không phải là bà Liêu Thị T, sinh năm 1999, giới tính: nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094199003438, chứng minh nhân dân số: 366197042. Bà Liêu Thị T và bà Liêu Thị D được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7416341243.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Liêu Thị T phải chịu 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002389 ngày 09/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu